

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2025

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh;

2. Bà Hà Thị Hương;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1969; trú tại: 266 H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1966; trú tại: 266 H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày: Bà Trương Thị N với ông Phạm Xuân T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Bà N với ông T đã sống ly thân từ năm 2023 cho tới nay. Nay, xét thấy tình cảm không còn bà N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà N với ông Phạm Xuân T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung: Cháu Phạm Đức T1, sinh năm 1992; cháu Phạm Việt T2, sinh năm 1998 và cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu T1 và cháu T2 đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Phạm Thị Tú T3 thì bà N đồng ý giao cháu T3 cho ông Phạm Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà ông Phạm Xuân T yêu cầu bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi thì bà N đồng ý với mức cấp dưỡng nêu trên.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà bị đơn ông Phạm Xuân T trình bày:* Ông T với Trương Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Ông T với bà N đã sống ly thân từ năm 2023 cho tới nay. Nay, bà Trương Thị N khởi kiện đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông T đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung: Cháu Phạm Đức T1, sinh năm 1992; cháu Phạm Việt T2, sinh năm 1998 và cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu T1 và cháu T2 đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Toà án xem xét giải quyết. Đối với Cháu Phạm Thị Tú T3 thì ông T tôn trọng ý kiến của cháu. Nguyên vọng cháu muốn ở với ông T thì ông T đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Kết quả xác minh tại UBND thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk:* Qua kiểm tra sổ sách được lưu trữ từ khi thành lập thị trấn Q, huyện C cho tới thời điểm xác minh thì bà Trương Thị N, sinh năm 1969 với ông Phạm Xuân T, sinh năm 1966, trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Bà N với ông T sống chung với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991 cho tới nay. Mặc dù, có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà không thực hiện. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Phạm Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 cho ông

Phạm Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Tú T3 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trương Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên. Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Đối với anh Phạm Đức T1, sinh năm 1992 và anh Phạm Việt T2, sinh năm 1998, phát triển bình thường, hiện tại đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án án: Nguyên đơn bà Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1991, bà N với ông T tổ chức đám cưới theo phong tục và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho tới nay nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng bà N với ông T không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho tới nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Bà N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T là đúng quy định của khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị N.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung: Cháu Phạm Đức T1, sinh năm 1992; cháu Phạm Việt T2, sinh năm 1998 và cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008.

Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu T1 và cháu T2 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Phạm Thị Tú T3 thì bà N với ông T thống nhất giao cháu cho ông Phạm Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng với cháu T3. Do đó, cần giao cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 cho ông Phạm Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, ông T yêu cầu bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Tú T3 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Trương Thị N đồng ý với yêu cầu của ông T. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Trương Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng: Từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Phạm Thị Tú T3 đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004838 ngày 25/4/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bà Trương Thị N phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị N với ông Phạm Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 cho ông Phạm Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trương Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

cháu Phạm Thị Tú T3, sinh ngày 23/5/2008 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng: Từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Phạm Thị Tú T3 đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Đối với anh Phạm Đức T1, sinh năm 1992 và anh Phạm Việt T2, sinh năm 1998, đều phát triển bình thường, hiện tại đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004838 ngày 25/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bà Trương Thị N phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND TT. Quảng Phú;
- Các đương sự;
-;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Xuân Hải